

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 52/2021/DS-PT  
Ngày 28 - 01 - 2021  
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất,  
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Ba.

*Các Thẩm phán:* Ông Tô Chánh Trung  
Bà Trần Thị Thúy Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:** Ông  
Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành  
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:  
358/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử  
dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm  
2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2021/QĐ-PT ngày  
12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1 Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1962 (Có mặt).

1.2 Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1964, (Đã chết ngày 17/8/2019).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông Nguyễn Thanh H:

2.1 Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1962 (Có mặt).

2.2 Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

2.3 Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 3x, tổ 02, ấp T, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà N, ông P là ông Nguyễn Trọng  
B, sinh năm: 1958 (Giấy ủy quyền ngày 30/9/2019) (Có mặt).

Địa chỉ: Số 9x/3 P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:**

2.1 Ông Tô Hữu T, sinh năm: 1968 (có mặt).

2.2 Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số 4xx, tổ 2x, ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Huỳnh Thị Kim C: Ông Phan Văn B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 3x/9xA X, Phường 1x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, trụ sở đặt tại: ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn L - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang theo Văn bản uỷ quyền số 34/GUQ-UBND ngày 01/11/2018.

3.2 Cháu Tô Huỳnh Thiện H, sinh năm 2000; địa chỉ: số 4xx, tổ 2x, ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang uỷ quyền cho Bà Huỳnh Thị Kim C theo Văn bản uỷ quyền ngày 04/9/2018.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thanh H; Kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn Nguyễn Thanh H trình bày:**

Nguồn gốc đất là của cha mẹ là bà Ba để lại cho tôi nhưng khi đi kê khai thì ông Trịnh Trung L tự đi kê khai dùm cho tôi và bà C đứng tên mỗi người một miếng. Thời gian đầu mẹ tôi còn sống cho bà Cao Thị P (vợ ông Trịnh Trung L) mượn canh tác đến năm 1993 mẹ tôi chết bà Cao Thị P trả lại đến năm 1994 thì bà C canh tác cho đến năm 2001 tôi canh tác được 01 năm thì bà C lấy đất lại canh tác.

Trên phần đất trước đây có 3 cái mã của ông bà Nội và cha ông Phạm Hữu T được xây từ năm 1945 dạng vòng thành diện tích khoảng 300 đến 500m<sup>2</sup> nhưng khi cấp giấy không thể hiện phần mồ mã. Bà C sử dụng phần đất này từ trước. Mẹ tôi kê khai, tôi ký tên. Do ông Trịnh Trung Đ đi kê khai. Nay tôi yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C trả lại phần đất 7.568 m<sup>2</sup> bao gồm mồ mã trên đất. Trước đây tôi khai cho bà C mượn làm nhưng thực tế tôi không cho bà C mượn. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà C trả lại 7.568 m<sup>2</sup> đất trồng lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06800 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27 tháng 7 năm 2015.

**Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim C trình bày:** thống nhất việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông Trịnh Trung L tự đi kê khai bản thân tôi và ông Nguyễn Thanh H không biết, khi có giấy chứng nhận QSDĐ thì tôi giữ giấy và canh tác cho đến nay. Nguồn gốc phần đất trên là của ông Phạm Hữu T và bà Trương Ngọc D, năm 1975 bà Trương Ngọc D giao cho mẹ bà là bà Nguyễn Thị B quản lý sử dụng, tôi được bà Nguyễn Thị B giao quyền quản

lý sử dụng đến nay, phần đất tôi đứng tên là của ông Nguyễn Văn G (ông Ngoại ruột tôi), phần đất ông Nguyễn Thanh H đứng tên là của ông Phạm Hữu T. Dù tên ông Nguyễn Thanh H nhưng tôi vẫn giữ giấy và canh tác, trên đất có 3 ngôi mộ của ông nội bà nội và cha ông Phạm Hữu T có xây vòng thành. Năm 2000 ông Nguyễn Thanh H về xin mượn đất canh tác nhưng 1 mùa ông Nguyễn Thanh H không làm nữa. Trước đây đất thuộc hàng áp chiến lược kèm bờ hàm phía sau. Sau khi mẹ bà chết thì giao lại cho tôi trực tiếp sử dụng đến nay. Tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 865384 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27 tháng 7 năm 2015 cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị H. Ông Trịnh Trung L là người đi kê khai đất trước đây hiện đã chết.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xác định: Tại Công văn số 839/UBND-VP ngày 26/6/2015 ông Nguyễn Thanh H có làm đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ số 02096/Gf cấp ngày 20/4/1994 cho ông Nguyễn Thanh H với diện tích 5.737 m<sup>2</sup> đến ngày 27/7/2015, UBND huyện C cấp giấy CNQSDĐ số CH06800, thửa số 609, diện tích 7.568, m<sup>2</sup>. Do đó, việc cấp lại giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 26, Điều 34, khoản 2 Điều 244, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 115 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị H về việc đòi bà Huỳnh Thị Kim C, Tô Hữu T trả diện tích đất 7.568m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06800 ngày 27/7/2015.

Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim C, Tô Hữu T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp số CH06800 ngày 27/7/2015 diện tích 7.568m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02096 cấp ngày 20/4/1994 diện tích 5.737m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Thanh H đứng tên.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06800 ngày 27/7/2015 diện tích 7.568m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02096 cấp ngày 20/4/1994 diện tích 5.737m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Thanh H đứng tên.

Bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích hiện đang canh tác, theo quy định của pháp luật (trong đó có 180m<sup>2</sup> diện tích đất nền

mộ của gia đình ông Phạm Hữu T và bà Trương Ngọc D theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 11/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Châu Phú).

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 11/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Châu Phú được đính kèm bản án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/12/2018 ông Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Ngày 12/12/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã tuyên xử “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị H. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Kim C”. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Kim C.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H có ông Nguyễn Trọng B đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải giao trả diện tích đất 7,568m<sup>2</sup> cho gia đình ông.

Bị đơn ông Tô Hữu T, bà Huỳnh Thị Kim C đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh An Giang.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Tô Hữu T, bà Huỳnh Thị Kim C trả lại phần đất 7.568m<sup>2</sup> canh tác trồng lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06800 do UBND huyện C cấp ngày 27/7/2015.

[2]. Bị đơn ông T bà C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện C cấp số CH06800 ngày 27/7/2015 diện tích 7.568m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02096 cấp ngày 20/4/1994 diện tích 5.737m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Thanh H đứng tên. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo ông Nguyễn Thanh H, bà C thì nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Phạm Hữu T và bà Trương Ngọc D để lại cho bà Trương Thị B. Theo Giấy ủy quyền ngày 05/8/1975 của bà Trương Ngọc D, có chứng thực tại ủy ban nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh có nội dung bà Trương Thị B thay bà Trương Ngọc D kê khai ruộng đất và giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến sở đất 1 mẫu 26 sào 90 cao thuộc bằng khoán điền thổ số 948. Bà C trình bày diện tích ủy quyền là tương đương 12 công đất, nhưng khi còn sống ông Phạm Hữu T đã bán cho người khác 05 công nên diện tích đất thực tế theo giấy ủy quyền của bà Dung để lại cho bà Trương Thị B là khoảng 7 công đất là thửa đất hiện tại ông Nguyễn Thanh H đứng tên quyền sử dụng. Năm 1994 ông Nguyễn Thanh H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.737m<sup>2</sup> đến năm 2015 đến khi cấp đổi giấy thì diện tích 7.568m<sup>2</sup>. Phần diện tích đất tăng lên là do san lấp ao, hẻm và bà C cũng không có tranh chấp đối với phần diện tích tăng thêm này.

[3.2] Năm 1992 bà Trương Thị B kê khai và nhờ ông Trịnh Trung L làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh H bà C. Do đó, xác định khi còn sống bà Trương Thị B đã phân chia đất cho các con, ông Nguyễn Thanh H được phần đất của ông Phạm Hữu T và bà Trương Ngọc D để lại, còn bà C được phần đất của cha bà Trương Thị B để lại, bà C cho rằng tại thời điểm năm 1992 mẹ bà chỉ nhờ ông Nguyễn Thanh H đứng tên giùm nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được ông Nguyễn Thanh H thừa nhận. Tại các biên bản hòa giải ngày 09/01/2016 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú, biên bản hòa giải ngày 14/3/2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và tại phiên tòa sơ thẩm bà C đều thừa nhận sau khi ông Nguyễn Thanh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C biết nhưng không có tranh chấp hay khiếu nại gì. Mặc dù đất đứng tên ông Nguyễn Thanh H nhưng bà C vẫn giữ giấy canh tác, đóng thuế đầy đủ. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh H bà C được cấp năm 1994 bà C đã giao cho người cậu thứ chín quản lý. Mặc dù ông Nguyễn Thanh H nhiều lần yêu cầu nhưng bà C và người cậu vẫn không đồng ý trả giấy cho ông Nguyễn Thanh H nên năm 2015 ông Nguyễn Thanh H đã báo mất và xin cấp lại quyền sử dụng đất mới. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 27/7/2018 bà Cao Thị P cũng xác định đất của bà Trương Thị B có 2 khu, ở giữa là mương ranh. Khi vợ chồng bà mướn đất của bà Trương Thị B thì có giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy của ông Nguyễn Thanh H, 01 giấy của bà C. Sau khi

bà Trương Thị B chết, bà C lấy lại đất để canh tác nên bà trả đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C. Ngoài ra, năm 2016 khi giải quyết khiếu nại của bà C đối với việc ông Nguyễn Thanh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện C có công văn số 1534/UBND-VP ngày 27/9/2016 xác định hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh H theo đúng quy định tại Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Luật Đất đai năm 1993.

[3.3] Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xác định tuy vợ chồng ông Nguyễn Thanh H không trực tiếp canh tác liên tục trên đất thời gian dài nhưng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu bà C ông T trả lại đất là có căn cứ và yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Kim C về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06800 ngày 27/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H là không có cơ sở chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa có cơ sở.

[3.4] Tại phiên tòa bà C có khai rằng: Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cũ hiện do ông L1 đang giữ do ông Nguyễn Thanh H nợ tiền ông L1. Tuy nhiên, thực tế ông L1 đã xin cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất mới, ông L1 không khiếu nại gì nên không cần phải đưa ông L1 vào tham gia tố tụng.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh H, bà H không phải nộp và do yêu cầu phản tố không được chấp nhận nên bà C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Áp dụng các Điều 26; 34; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 115 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Đoàn Thị H về việc đòi bà Huỳnh Thị Kim C, ông Tô Hữu T trả lại diện tích đất 7.568m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06800 ngày 27/7/2015.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H diện tích 7.568m<sup>2</sup> đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06800 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/7/2015. Theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 11/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh đất đai huyện Châu Phú.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Kim C, ông Tô Hữu T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp số CH06800 ngày 27/7/2015 diện tích 7.568m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H và GCNQSDĐ số 02096 cấp ngày 20/4/1994 diện tích 5,737m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Thanh H đứng tên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm tính lại ông Nguyễn Thanh H, bà Đoàn Thị H không phải nộp. Hoàn lại số tiền 300.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0017009 ngày 24/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Bà Huỳnh Thị Kim C, ông Tô Hữu T phải nộp 300.000 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Thanh H không phải nộp, hoàn lại số tiền 300.000 đồng ông Nguyễn Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0001595 ngày 14/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (9);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 18b (PMT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Ba**